

Nga Sơn, ngày 08 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công trình năm 2017, đăng ký các công trình giai đoạn 2018 - 2020

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

- Kết quả triển khai thực hiện đầu tư và duy tu, bảo dưỡng công trình năm 2017:

Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện đã tham mưu cho UBND huyện ban hành Công văn số 153 ngày 11/9/2017 về việc hướng dẫn thực hiện hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển từ nguồn vốn đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2017 và kế hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng năm 2018

- Kết quả triển khai, lập kế hoạch danh mục chủ trương đầu tư các công trình cơ sở hạ tầng tại các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020.

Thực hiện Công văn số 3776/SLĐT&XH-BTXH ngày 03/11/2017 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa, ủy ban nhân dân huyện đã có công văn chỉ đạo các xã xây dựng kế hoạch chủ trương đầu tư danh mục dự án tại các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2018 – 2020.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện đầu tư mới, chuyển tiếp đầu tư và duy tu bảo dưỡng công trình năm 2017.

1.1. Kinh phí

- Tổng kinh phí: 4.842.000.000 đồng
- + Vốn đầu tư phát triển: 4.592.000.000 đồng
- + Kinh phí duy tu, bảo dưỡng: 250.000.000 đồng
- + Nguồn huy động nhân dân, khác: 608.000.000 đồng

1.2. Tiến độ thực hiện, giải ngân đến 30/4/2018: Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo phòng Tài chính kế hoạch tiến hành giải ngân nguồn vốn chương trình 257 cho 03 xã bãi ngang ven biển. Đến 30/4/2018 đã giải ngân cho 02 xã là Nga Tiến và Nga Thủy, còn xã Nga Tân đang làm thủ tục giải ngân trong tháng 5/2018.

1.3. Phân tích theo số lượng, loại công trình

- Số công trình đầu tư mới: 03 công trình, trong đó đường giao thông là 03 công trình.

- Số công trình chuyển tiếp đầu tư: 01 công trình (đường giao thông liên xã – đường vào nghĩa trang xã Nga Tiến).

- Số công trình duy tu, bảo dưỡng: 01 công trình (sửa chữa khu làm việc của xã Nga Tân).

2.1. Kinh phí

- Tổng kinh phí đầu tư: 26.700.000.000 đồng, trong đó:
- + Nguồn vốn ngân sách TW: 9.000.000.000 đồng
- + Nguồn huy động nhân dân, khác: 17.700.000.000 đồng

2.3. Phân tích theo số lượng, loại công trình

- Số công trình đầu tư mới: 07 công trình. Trong đó:
 - + Đường giao thông: 02 công trình.
 - + Trạm y tế: 01 công trình.
 - + Trường học: 02 công trình.
 - + Sân vận động: 01 công trình.
 - + Nhà văn hóa thôn: 01 công trình.
 - Số công trình chuyển tiếp đầu tư: 02 công trình (Sân vận động và trường học).
- (kèm theo các phụ lục chi tiết)

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để thực hiện tốt chính sách giảm nghèo của Đảng và Nhà nước theo chương trình 257 của Chính phủ một cách bền vững, đề nghị Nhà nước, UBND tỉnh Thanh Hóa, các cơ quan ban ngành cấp tỉnh quan tâm, tiếp tục hỗ trợ địa phương dự án chương trình 257 trong những năm tiếp theo. Tăng số vốn đầu tư hàng năm để các công trình hoàn thành so với kế hoạch, mang lại hiệu quả thiết thực, nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân trên địa bàn huyện.

Nơi nhận:

- Sở LĐ-TBXH tỉnh (B/c);
- Lưu: VT, LĐTB&XH.



CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Quyết

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN TỪ NGUỒN VỐN CTMTQG GNBV TỪNG NĂM GIAI ĐOẠN 2018-2020

Số TT	Tên danh mục dự án	Tổng mức đầu tư					Vốn TW đã bố trí năm 2017 với công trình chuyên tiếp	Dự kiến bố trí vốn trong kế hoạch năm 2018					Dự kiến bố trí vốn trong kế hoạch năm 2019					Dự kiến bố trí vốn trong kế hoạch năm 2020					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				
			Vốn NSTW	Vốn NS huyện, xã	Dân đóng góp	Vốn khác			Vốn NSTW	Vốn NS huyện, xã	Dân đóng góp	Vốn khác		Vốn NSTW	Vốn NS huyện, xã	Dân đóng góp	Vốn khác		Vốn NSTW	Vốn NS huyện, xã	Dân đóng góp	Vốn khác	
1	Huyện Nga Sơn	26.700	9.000	6.700	2.500	9.500	-	5.500	3.000	5.500	500	1.000	9.700	3.000	200	1.000	5.500	11.500	3.000	5.000	500	3.000	
<i>1</i>	<i>Xã Nga Tân:</i>	<i>8.500</i>	<i>3.000</i>	<i>-</i>	<i>1.000</i>	<i>4.500</i>	<i>-</i>	<i>2.500</i>	<i>1.000</i>	<i>-</i>	<i>500</i>	<i>1.000</i>	<i>4.500</i>	<i>1.000</i>	<i>-</i>	<i>500</i>	<i>3.000</i>	<i>1.500</i>	<i>1.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>500</i>	
	<i>Dự án khởi công mới</i>	<i>8.500</i>	<i>3.000</i>	<i>-</i>	<i>1.000</i>	<i>4.500</i>	<i>-</i>	<i>2.500</i>	<i>1.000</i>	<i>-</i>	<i>500</i>	<i>1.000</i>	<i>4.500</i>	<i>1.000</i>	<i>-</i>	<i>500</i>	<i>3.000</i>	<i>1.500</i>	<i>1.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>500</i>	
	Xây mới Trạm y tế chuẩn	5.500	1.000	-	1.000	3.500		2.500	1.000	-	500	1.000	3.000	-	-	500	2.500	-	-	-	-	-	
	Xây mới Sân vận động chuẩn	3.000	2.000	-	-	1.000		-	-	-	-	1.500	1.000	-	-	500	1.500	1.000	-	-	-	500	
2	Xã Nga Thủy:	8.700	3.000	5.700	-	-	-	1.500	1.000	500	-	-	1.200	1.000	200	-	-	6.000	1.000	5.000	-	-	
	<i>Dự án khởi công mới</i>	<i>8.700</i>	<i>3.000</i>	<i>5.700</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1.500</i>	<i>1.000</i>	<i>500</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1.200</i>	<i>1.000</i>	<i>200</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>6.000</i>	<i>1.000</i>	<i>5.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	
	Xây mới Khuôn viên Trường mầm non	1.500	1.000	500	-	-		1.500	1.000	500			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Làm mới công điều tiết ngăn nước mặn cho vùng sản xuất cây công nghiệp và khu sinh hoạt dân cư	1.200	1.000	200	-	-		-	-	-	-	1.200	1.000	200	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Xây mới 04 Nhà sinh hoạt cộng đồng của thôn (sau khi sát nhập các thôn)	6.000	1.000	5.000	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.000	1.000	5.000	-	-	-	
3	Xã Nga Tiến	9.500	3.000	1.000	1.500	5.000	-	1.500	1.000	5.000	-	-	4.000	1.000	-	500	2.500	4.000	1.000	-	500	2.500	
	<i>Dự án khởi công mới</i>	<i>9.500</i>	<i>3.000</i>	<i>1.000</i>	<i>1.500</i>	<i>5.000</i>	<i>-</i>	<i>1.500</i>	<i>1.000</i>	<i>5.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>4.000</i>	<i>1.000</i>	<i>-</i>	<i>500</i>	<i>2.500</i>	<i>4.000</i>	<i>1.000</i>	<i>-</i>	<i>500</i>	<i>2.500</i>	
	Làm mới đường giao thông nông thôn nội đồng. Hạng mục: Từ nhà ông Khoa đi công Xuân Mai (giai đoạn 2) và từ Nghĩa trang C5 đi nhà ông Sư xóm 10	1.500	1.000	500	-	-		1.500	1.000	5.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Xây mới trường THCS Nga Tiến	8.000	2.000	-	1.000	5.000		-	-	-	-	4.000	1.000	-	500	2.500	4.000	1.000	-	500	2.500		

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN TỪ NGUỒN VỐN CTMTQG GNBV CẢ GIAI ĐOẠN 2018-2020 HUYỆN NGA SƠN

Số TT	Tên danh mục dự án	Địa điểm	Quy mô	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư				Hình thức thực hiện	Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó:					
						Vốn NSTW	Vốn NS huyện, xã	Dân đóng góp			Vốn khác
I	Huyện Nga Sơn				26.700	9.000	12.200	1.000	4.500		
1	Xã Nga Tân:				8.500	3.000	-	1.000	4.500		
	<i>Dự án khởi công mới</i>				8.500	3.000	-	1.000	4.500		
	Xây mới Trạm y tế chuẩn	Thôn 4	Dự kiến 10 phòng, 20 giường, 1000m ²	2018	5.500	1.000	-	1.000	3.500	Chỉ định thầu	
	Xây mới Sân vận động chuẩn	Thôn 4	Diện tích 14.000m ² , 4000 - 5000 người	2019	3.000	2.000	-	-	1.000	Chỉ định thầu	Nguồn 2 năm 2019, 2020
2	Xã Nga Thủy:				8.700	3.000	5.700	-	-		
	<i>Dự án khởi công mới</i>				8.700	3.000	5.700	-	-		
	Xây mới Khuôn viên Trường mầm non	Thôn 5	400m ² và các công trình phụ	2018	1.500	1.000	500	-	-	Chỉ định thầu	
	Làm mới công điều tiết ngăn nước mặn cho vùng sản xuất cây công nghiệp và khu sinh hoạt dân cư	Thôn 10	200m bê tông + công ngăn mặn	2019	1.200	1.000	200	-	-	Chỉ định thầu	
	Xây mới 04 Nhà sinh hoạt cộng đồng của thôn (sau khi sát nhập các thôn)	Tại 4 thôn (Từ thôn 1 đến thôn 4)	300m ² /nhà, 300 người/nhà	2020	6.000	1.000	5.000	-	-	Chỉ định thầu	
3	Xã Nga Tiến				9.500	3.000	6.500	-	-		
	<i>Dự án khởi công mới</i>				9.500	3.000	6.500	-	-		
	Làm mới đường giao thông nông thôn nội đồng. Hạng mục: Từ nhà ông Khoa đi cống Xuân Mai (giai đoạn 2) và từ Nghĩa trang C5 đi nhà ông Sư xóm 10	Thôn 8	900m đường bê tông hóa	2018	1.500	1.000	500	-	-	Chỉ định thầu	
	Xây mới trường THCS Nga Tiến	Thôn 6	300m ² , 6 phòng học, 300 học sinh	2019-2020	8.000	2.000	6.000	-	-	Chỉ định thầu	Nguồn 2 năm 2019, 2020

Phụ lục số 03

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN DUY TU, SỬA CHỮA CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG TẠI CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
BÃI NGANG VEN BIỂN THEO CHƯƠNG TRÌNH 257 NĂM 2017 HUYỆN NGA SƠN**

Số TT	Đơn vị	Tên, nội dung công trình	Thời gian đưa vào sử dụng lần đầu	Hiện trạng công trình trước khi duy tu	Phương án duy tu, bảo dưỡng	Tổng kinh phí dự toán (triệu đồng)	Kinh phí thực hiện 2017			Tiến độ thực hiện đến 30/4/2018			Ghi chú
							NSNN hỗ trợ (triệu đồng)	NSDP (triệu đồng)	Nhân dân, huy động khác	Thời gian khởi công	Khối lượng xây dựng hoàn thành (%)	Kinh phí đã giải ngân (triệu đồng)	
1	Nga Tân	Sửa chữa khu làm việc của xã		Các lớp sơn bị bong tróc và tường bị ngấm nước	Sơn sửa lại	234	218	16		10/2017	100		Đã QT

Phụ lục 02

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN BÀI NGANG VEN BIỂN
THEO CHƯƠNG TRÌNH 257 NĂM 2017 HUYỆN NGA SƠN

Số TT	Đơn vị	Tên công trình	Số QĐ phê duyệt đầu tư của huyện	Đơn vị thi công	Số hộ hưởng lợi	Tổng kinh phí dự toán	Nguồn kinh phí thực hiện 2017			Tiến độ thực hiện đến 30/4/2018			Ghi chú
							NSNN hỗ trợ	NSĐP	Nhân dân, huy động khác	Thời gian khởi công	Khối lượng xây dựng hoàn thành (%)	Kinh phí đã giải ngân (triệu đồng)	
<u>A</u>	<u>B</u>	<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>	<u>9</u>	<u>10</u>	<u>11</u>	<u>12</u>
	Tổng cộng				62.736	97.630	55.000	27.694	7.652				
1	Nga Tân	Đường giao thông đi vào sân vận động	2239/QĐ-UBND ngày 24/8/2017	Cty TNHH Văn Lâm	1.500	1.250	1.000	240		10/2017	100		Đang giải ngân
2	Nga Thụy	Đường giao thông liên xã	2410/QĐ-UBND ngày 6/9/2017	Cty CPTVXDGT Hoàng Thịnh	600	1.254	1.000	254		11/2017	100		Đã giải ngân
3	Nga Tiến	Đường giao thông liên xã (Đường vào nghĩa trang)			1.300	1.257	1.000	257		11/2017	100		Đã giải ngân